TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-PT
Ngày: 25-02-2020
V/v "Tranh chấp Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLPT- DS ngày 08 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp: "Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 249/2018/QĐ-PT ngày 06/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2018/QĐ-PT ngày 26/9/2018, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 29/TB-TA ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm: 1986; cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Tuấn L, sinh năm: 1962; cư trú tại thôn P, xã Th, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền *(Văn bản ủy quyền số 182, quyển số 01, TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ngô Văn Thao chứng thực ngày 16/3/2017)*, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, sinh năm: 1960, bà Hoàng Thị Th, sinh năm: 1967; cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Đức T, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

+ Ông Nguyễn Minh A, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 50/UQ-UBND ngày 23/10/2017), vắng mặt.

- Ông Phan Công Th, sinh năm: 1972, cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Viết H – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2015 của Ông Nguyễn Viết H, lời trình bày của Ông Đào Tuấn L, người đại diện theo ủy quyền của ông H, thì:

Ngày 05/8/2013 Ông Nguyễn Viết H có nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L diện tích đất 1.344m^2 thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 56, bộ bản đồ địa chính xã L, đất tọa lạc tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc thửa đất là do ông L nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE996086 ngày 01/6/2011. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H đã tiến hành rào xung quanh thửa đất thì vợ chồng ông T, bà Th phá hàng rào, canh tác trên thửa đất trên. Ông H đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lâm H và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng hòa giải không Th. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà Th phải trả lại diện tích đất 1.344m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 1.175m^2) thửa 47, tờ bản đồ 56, tờ bản đồ địa chính xã L, huyện Lâm H.

Đối với kết quả định giá ngày 13/10/2017 có định giá cây trồng trên diện tích đất tranh chấp gồm cây dâu lai 01 năm tuổi vợ chồng ông T, bà Th trồng mới 1.097m^2 có giá trị là 7.679.000đ, đại diện nguyên đơn không đồng ý tính vào giá trị tài sản tranh chấp để xem xét giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông L không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th thì: năm 1998 – 1999 Trường Tiểu học L 2 có tiếp nhận một số học sinh là con em Nông trường L vào học. Khi đó giáo viên trong trường còn có một số thầy, cô chưa có nhà ở nên ban lãnh đạo Nông trường L có tạo điều kiện cấp nhà ở cho giáo viên, thời gian này ông T là nhân viên bảo vệ, bà Th là giáo viên cùng công

tác tại Trường Tiểu học L 2. Ông Phan Công Th là giáo viên của trường và có đăng ký nhà ở do Nông trường L cấp.

Năm 1999 Ông Phan Công Th được Nông trường L cấp đất tại căn nhà số 15 dãy 19 căn do Ông Đào Tuấn L nguyên là Phó giám đốc Nông trường ký, khi được cấp nhà và đất thì người sử dụng phải đóng một khoản tiền xây dựng nhà ở và đào giếng. Tuy nhiên sau khi đăng ký nhà với Nông trường L thì ông Th không có nhu cầu sử dụng nữa nên sang nhượng lại cho vợ chồng ông, bà. Việc chuyển nhượng hai bên có giấy viết tay và ông T, bà Th phải thực hiện việc nộp tiền cho Nông trường theo quy định. Sau khi vợ chồng ông, bà đóng đầy đủ các khoản chi phí với Nông trường tổng số tiền là 8.300.000đ (nộp Th 02 lần, người thu tiền là ông Bùi Văn T – Cán bộ Nông trường L, hiện nay ông T đã chết) vợ chồng ông, bà đã được lãnh đạo Nông trường L bàn giao một bộ hồ sơ giao đất bản chính mang tên Hồ Hoàng B được cấp đất theo diện kinh tế mới tại căn nhà số 15 dãy nhà 19 căn của Nông trường L cùng với các hồ sơ liên quan đảm bảo thủ tục cấp nhà và đất cho vợ chồng ông, bà. Khi bàn giao đất thì vợ chồng ông, bà được cán bộ Nông trường L đưa trực tiếp đến mảnh đất để giao căn nhà và đất gồm có ông L, ông T, ông T, ông Th và ông Nguyễn Văn Th nguyên là Hiệu trưởng Trường Tiểu học L 2, huyện Lâm H.

Sau khi nhận đất từ Nông trường giao vợ chồng ông, bà đã sử dụng diện tích đất này ổn định từ năm 1999 đến năm 2012 vợ chồng ông, bà thực hiện thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM594158 ngày 18/12/2012 diện tích đất 1.128m^2 thuộc thửa 45, tờ bản đồ 56 xã L. Tuy nhiên đến năm 2014 thì Ủy ban nhân dân huyện L đã có Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 về việc thu hồi và hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông, bà với lý do "*ông T, bà Th đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM954158 đối với diện tích đất 1.128m^2 thửa 45, tờ bản đồ 56 xã L không phải đất của ông (bà) T, Th đang sử dụng*".

Ngày 07/4/2014 vợ chồng ông, bà đến Ủy ban nhân dân xã L để giải quyết tranh chấp đất theo đơn yêu cầu của Ông Nguyễn Viết H thì mới được cán bộ địa chính xã L cung cấp Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông, bà. Sau đó vợ chồng ông, bà có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã L và Ủy ban nhân dân huyện L nhưng vợ chồng ông, bà được giải thích là cấp trùng đất của người khác nên việc thu hồi là để cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho đúng hiện trạng. Do đó, vợ chồng ông, bà không khiếu nại nữa. Trong thời gian vợ chồng ông, bà chờ cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đúng vị trí, diện tích đất mà vợ chồng ông, bà đang sử dụng nhưng Ông Nguyễn Viết H khởi kiện vợ chồng ông, bà tại Tòa án. Diện tích đất này vợ chồng ông, bà vẫn đang sử dụng từ năm 1999 đến nay.

Trong khi đó diện tích đất thửa 47, tờ bản đồ 56, bộ bản đồ địa chính xã L thì Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sừ sụng đất cho vợ chồng ông Th, bà H chuyển nhượng cho ông Võ Văn L và hiện nay đã chuyển nhượng lại cho Ông Nguyễn Viết H.

Do vậy, ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả lại diện tích đất 1.344m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 1.175m^2) thửa 47, tờ bản đồ 56, tờ bản đồ địa chính xã L thì vợ chồng ông, bà không đồng ý. Vợ chồng ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho vợ chồng ông Th, bà H và nay đã được đính chính tại trang thứ 3 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sang tên Ông Nguyễn Viết H diện tích đất thửa 47, tờ bản đồ 56, bộ bản đồ địa chính xã L. Ngoài ra vợ chồng ông T, bà Th không yêu cầu gì thêm.

- Theo lời trình bày của Ông Phan Công Th thì năm 1997 ông nhận công tác tại Trường Tiểu học L 2. Theo nhu cầu sử dụng nhà ở cho bản thân, đến năm 1999 ông làm tờ trình xin cấp đất thuộc Nông trường L quản lý. Sau khi được nhà trường, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Lâm H, chính quyền xã L và Nông trường L phê duyệt đồng ý cấp nhà ở và đất cho ông để ổn định công tác, ông được Nông trường L cấp diện tích đất tại căn nhà số 15 dãy 19 căn. Tuy nhiên, sau đó do không có nhu cầu sử dụng nên ông đã sang nhượng lại cho vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th cùng công tác tại trường. Theo quy định của Nông trường, người nhận nhà, đất có nghĩa vụ nộp chi phí theo quy định của Nông trường với số tiền là 8.300.000đ. Tại thời điểm Nông trường cấp đất, ông không đủ chi phí để đóng nên đã thống nhất viết giấy đồng ý sang nhượng căn nhà và diện tích đất này cho ông T, bà Th vào ngày 07/11/1999. Vợ chồng ông T, bà Th đã trực tiếp đóng số tiền cho Nông trường do ông T cán bộ nông trường thu và viết giấy biên nhận vào cùng ngày 7/11/1999 có sự chứng kiến của ông.

Ông xác định việc sang nhượng diện tích đất và căn nhà số 15 dãy 19 căn cho vợ chồng ông T, bà Th hai bên không có tranh chấp gì. Vợ chồng ông T, bà Th cũng được Nông trường L giao căn nhà và đất sử dụng ổn định từ năm 1999 đến nay.

Nay giữa Ông Nguyễn Viết H và vợ chồng ông T, bà Th có tranh chấp diện tích đất này thì ông xác định việc chuyển nhượng giữa ông và ông T, bà Th đã hoàn Th nghĩa vụ với nhau, không có tranh chấp gì. Ông không liên quan gì trong vụ án này. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp diện tích đất giữa ông H với vợ chồng ông T, bà Th theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của Ông Nguyễn Minh A, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân huyện Lâm H thì:

+ Việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 56 xã L:

Toàn bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H đã bị thất lạc, hiện nay không còn trong kho lưu trữ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, chỉ còn Quyết định số 1765/QĐ – UBND ngày 23/5/2011 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc cấp 11 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông (bà) Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Thị H sử dụng tại xã L, trong đó có diện tích 1.344m^2 đất thuộc thửa số 47, tờ bản đồ địa chính số 56 xã L (có danh sách cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tờ trình số 122/TTr – TN&MT ngày 20/5/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường kèm theo).

+ Việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 47, tờ bản đồ địa chính số 56 xã L giữa vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H với ông Võ Văn L:

Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với 6 thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 56 xã L (trong đó có thửa đất số 47) giữa vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H với ông Võ Văn L được Văn phòng công chứng V công chứng ngày 06/5/2013, số công chứng 2673, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD. Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) huyện Lâm H đã xác nhận việc chuyển nhượng vào Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 47 tờ bản đồ địa chính số 56 xã L giữa ông Võ Văn L với Ông Nguyễn Viết H:

Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với 10 thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 56 xã L (trong đó có thửa đất số 47) giữa ông Võ Văn L với Ông Nguyễn Viết H được Văn phòng công chứng V công chứng ngày 5/8/2013, số công chứng 3380, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) huyện Lâm H đã xác nhận việc chuyển nhượng vào Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện L về việc vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L hủy toàn bộ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE966086 đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H theo Quyết định số 1765/QĐ – UBND ngày 23/5/2011: Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 thì *"Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó đã chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp*

luật đất đai". Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện L không thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H là do sau khi được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, vợ chồng ông Th, bà H đã thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông Võ Văn L.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không Th.

Tại Bản án số 05/2018/DS-ST ngày 30/01/2018; Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Viết H về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th trả lại diện tích đất 1.175m^2 thửa 47 tờ bản đồ 56 tọa lạc tại thôn Đ, xã H, huyện L, Lâm Đồng cùng tài sản trên đất. Buộc ông H tháo dỡ cọc sắt, thép gai do ông H rào trên diện tích đất thửa 47 tờ bản đồ 56 xã L để trả lại hiện trạng diện tích đất ông T, bà Th đang sử dụng.

Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE 966086 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Th, bà H nay đã đính chính nội dung trang thứ ba về việc chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Viết H với diện tích 1.344m^2 thửa 47 tờ bản đồ 56 xã L theo một phần Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 của Ủy ban nhân dân huyện L.

Vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th và Ông Nguyễn Viết H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng vị trí, hiện trạng đất đang sử dụng để được cấp giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/02/2018 Ông Nguyễn Viết H kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Viết H.

Tại phiên tòa,

Ông Đào Tuấn L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Vợ chồng ông T, bà Th đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Ông Nguyễn Viết H cho rằng ông được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với lô đất đất thuộc thửa 47, tờ bản đồ 56 tại xã L, huyện Lâm H nhưng hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th đang quản lý, sử dụng nên ông yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất nói trên. Vợ chồng ông T, bà Th không đồng ý đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho vợ chồng ông Th, bà H nay đã đính chính nội dung trang thứ ba về việc chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Viết H thuộc thửa 47 tờ bản đồ 56, xã L, huyện Lâm H nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất"* là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thấy rằng: Nguồn gốc diện tích lô đất có diện tích 1.344m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 1.175m^2) thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 56 xã L theo ông H trình bày thì nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị Kh được Nông trường L cấp theo diện kinh tế mới có vị trí tại căn nhà số 14 dãy 19 căn và bà Kh sang nhượng lại cho ông Th, bà H; ông Thach, bà Huệ sang nhượng lại cho ông L và ông L chuyển nhượng lại cho ông H, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE966086 ngày 01/6/2011 mang tên ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H, sau khi nhận chuyển nhượng ông H tiến hành rào xung quanh thửa đất thì vợ chồng ông T, bà Th ngăn cản. Vợ chồng ông T, bà Th thì cho rằng nguồn gốc đất hiện các bên đang tranh chấp là do vào năm 1999 Ông Phan Công Th được Nông trường L cấp cho diện tích đất cùng căn nhà trên đất có vị trí tại căn nhà số 15 trong dãy 19 căn do Nông trường L quản lý, sau khi được cấp thì ông Th không có nhu cầu sử dụng nên đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà Th, việc chuyển nhượng giữa các bên được lập bằng giấy viết tay và vợ chồng ông T, bà Th có trách nhiệm nộp tiền cho Nông trường theo quy định. Sau đó vợ chồng ông T, bà Th được cán bộ Nông trường L đưa trực tiếp đến vị trí đất hiện tại để giao nhà và đất, có sự chứng kiến của ông L, ông T, ông T, ông Th và ông Thưởng – nguyên là Hiệu trưởng Trường Tiểu học L 2, sau khi nhận đất thì vợ chồng ông T, bà Th đã canh tác sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Vì vậy nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà trả lại diện tích đất này cho ông H thì ông bà không đồng ý.

[3] Theo hồ sơ thể hiện thì: Diện tích đất hiện các bên đang tranh chấp thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại xã L, huyện Lâm H có nguồn gốc của Nông trường L bàn giao cho ông Hồ Hoàng B tại biên bản bàn giao nhà và đất thổ cư số 2/91/BB.KTM.NT ngày 28/7/1999 theo đơn tình nguyên đi xây dựng vùng kinh tế mới. Sau khi ký bàn giao nhận đất do ông Bé không sử dụng nên ngày 25/10/1999 Ông Phan Công Th là giáo viên Trường Tiểu học L 2 có đơn

xin phân nhà ở và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lâm H xác nhận. Do thời điểm này Trường Tiểu học L 2 là trường thuộc vùng kinh tế mới, cuộc sống của các giáo viên khó khăn nên sau khi nhận đơn của Ông Phan Công Th thì đại diện Nông trường L là Ông Đào Tuấn L nguyên là Phó Giám đốc Nông trường L ký chấp thuận theo đơn của ông Th để giao cho ông Th sử dụng diện tích đất và nhà thuộc căn nhà số 15 trong dãy 19 căn, do ông Th không có nhu cầu sử dụng nên đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông T, bà Th sử dụng diện tích đất này. Tại phiên tòa hôm nay ông L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đơn thừa nhận trước đây ông Th được Nông trường L cấp cho căn nhà số 15 trong dãy 19 căn nhưng hiện nay căn số 15 là vị trí đất của ông Ch hiện tại, do ông Ch được Nông trường L cấp cho diện tích nhà và đất ở một vị trí khác nhưng không sử dụng mà đã tự ý chuyển lên đây để lấn chiếm. Tuy nhiên, diện tích đất ông Ch hiện nay đang sử dụng có nguồn gốc chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn M vào ngày 18/7/2004 (BL53), ông M được Nông trường L cấp diện tích nhà, đất thuộc căn 16 trong dãy 19 căn theo biên bản bàn giao nhà và đất thổ cư số 90/BB.KTM.NT ngày 10/02/2001. Ngày 18/7/2004 ông M đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Ch, bà Nguyễn Thị V và được các bên xác nhận ranh giới phía bên phải giáp nhà ông Kh, bên trái giáp nhà T, Th. Hơn nữa, theo kết quả xác minh thì các hộ đang sử dụng đất tại các thửa đất thuộc căn số 16, 17, 18, 19 dãy nhà 19 căn của Nông trường L trước đây tất cả đều xác định ranh giới sử dụng đất giữa các hộ đều ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp gì.

Bên cạnh đó. vào thời điểm vợ chồng ông T, bà Th sử dụng căn nhà số 15 do Nông trường L giao năm 1999 thì bà Nguyễn Thị Kh cũng được Nông trường L giao cho căn nhà số 14 và diện tích đất liền kề (hiện nay là thửa 46 tờ bản đồ 56) với căn nhà và diện tích đất của ông T, bà Th, năm 2000 bà Kh nhượng lại nhà và quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H và đến năm 2008 thì ông Th, bà H được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 991940 với diện tích 1.344m^2 đất thuộc thửa 46 tờ bản đồ 56, xã L. Đến tháng 5/2013 ông Th, bà H chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất trên cho ông Võ Văn L và đến tháng 8/2013 ông L chuyển nhượng lại cho Ông Nguyễn Viết H (BL số 02, 03, 04).

[4] Theo các biên bản làm việc và kết quả kiểm tra, đo đạc, xác minh thì diện tích đất thực tế mà ông Th được Nông trường L cấp sau đó nhượng lại cho vợ chồng ông T, bà Th là thửa đất số 47 tờ bản đồ 56 có diện tích là 1.175m^2, vợ chồng ông T, bà Th đã sử dụng thửa đất trên từ năm 1999 đến nay. Quá trình sử dụng đất giáp ranh với hộ bà Kh (năm 1999) và hộ ông Th, bà H (từ năm 2000 đến năm 2013) thì các bên đều sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp gì về diện tích đất và ranh giới sử dụng, sau khi ông H nhận chuyển nhượng vào tháng 8/2013 thì mới phát sinh tranh chấp vì ông H cho rằng diện tích đất hiện nay vợ

chồng ông T, bà Th đang sử dụng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng cho ông H (BL số 11, 12).

[5] Trong quá trình sử dụng đất thì năm 2012 vợ chồng ông T, bà Th đã đi đăng ký kê khai, do không hiểu biết và việc hướng dẫn của cán bộ địa chính xã L không Ch xác dẫn đến việc hộ ông T kê khai không đúng thửa đất mà ông bà đang sử dụng, nên sau khi được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào năm 2012 thì đến năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện L đã ra Quyết định thu hồi và hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM 594158 đã cấp cho vợ chồng ông T, bà Th vì lý do thửa đất đã cấp trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không đúng với thửa đất do vợ chồng ông T, bà Th sử dụng (BL 26). Sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào năm 2014 (BL số 08) thì vợ chồng ông T, bà Th cũng chưa liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho đúng với diện tích đất thực tế sử dụng. Tuy nhiên, trên thực tế thì bị đơn đã sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ ông Th (được Nông trường L giao) từ năm 1999 đến nay, vợ chồng ông T, bà Th cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầu tư xây dựng cho Nông trường L.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Ông Đào Tuấn L cho rằng tài liệu do vợ chồng ông T, bà Th xuất trình cho Tòa án là bản photo "Đơn xin giao nhà" của Ông Phan Công Th có chữ ký, bút phê của ông L và đóng dấu của Nông trường L cùng với bản photo Giấy nhận tiền do ông Bùi Văn T – cán bộ địa chính nông trường có nhận số tiền 8.300.000đ của ông T, bà Th thì đây là tài liệu giả mạo và ông T không có chức năng thu tiền, đồng thời ông L đã yêu cầu trưng cầu giám định đối với 02 tài liệu trên. Theo kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng thì tài liệu giám định là "Giấy biên nhận" và "Đơn xin phân nhà ở" có sự chỉnh sửa các con số trong tài liệu.

Theo Giấy biên nhận ghi ngày 07/11/1999 do bị đơn cung cấp, (đồng thời tài liệu này có lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) thì thể hiện vào ngày 07/11/1999 ông Bùi Văn T là cán bộ Kinh tế mới của Nông trường L, có giao căn nhà (đứng tên Th) cho vợ chồng ông T, bà Th và có thu số tiền chi phí xây dựng của vợ chồng ông T, bà Th với số tiền là 8.300.000đ, phía sau của tờ giấy có xác nhận của Ông Phan Công Th về việc chuyển nhượng căn hộ cho vợ chồng ông T, bà Th (BL số 05). Bên cạnh đó thì theo nội dung Công văn số 09/CV-LH ngày 09/5/2017 của Công ty liên doanh Tổng hợp L (thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố H) (BL268) thì "thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Ủy ban nhân dân tỉnh L, năm 2004 Công ty Liên doanh Tổng hợp L đã tiến hành bàn giao nguyên canh nguyên cư vùng Kinh tế mối L và toàn bộ hồ sơ giấy tờ có liên quan cho Ủy ban nhân dân huyện L quản lý, các hồ sơ giao đất liên quan đến dãy nhà 19 căn do Nông trường L quản lý thì hiện nay Công ty không còn lưu giữ nên không cung cấp

cho Tòa án được". Đồng thời bà Nguyễn Thị Kh cũng xác nhận trước khi bà chuyển nhượng diện tích đất thuộc căn nhà số 14 cho ông Th, bà H thì đất của bà giáp ranh với đất của vợ chồng ông T, bà Th, ranh giới đất giữa gia đình bà và gia đình ông T, bà Th ổn định không có tranh chấp gì, sau khi bà sang nhượng nhà và đất cho vợ chồng ông Th, bà H thì vợ chồng ông Th, bà H đã tiến hành làm hàng rào ngăn cách với thửa đất của vợ chồng ông T, bà Th. Tại Biên bản đo đạc, xem xét và thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 08/7/2016 thì chủ sử dụng đất cũ là ông Nguyễn Ngọc Th cũng đã xác định phần đất ông chuyển nhượng cho ông H là từ căn nhà thứ 1 đến căn nhà thứ 14 của dãy nhà 19 căn. Ngoài ra, các hộ dân sử dụng đất do Nông trường L cấp trong dãy 19 căn do Nông trưởng L quản lý cũng xác nhận hộ ông T, bà Th sử dụng đất ổn định nhiều năm nay không có tranh chấp với ai (BL số 65, 144, 162, 163, 165, 166, 167, 233, 275). Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 13/10/2017 và ngày 18/12/2017 thì ông Tr và ông Đỗ Minh Ch cho biết tại thời điểm giao đất cho ông Th thì đất giáp ông Ch và ông Kh. Khi giao đất có ông L – Phó Giám đốc và các bên liên quan. Sau khi ông Th nhận đất thì ông Th chỉ làm thời gian ngắn rồi chuyển lại cho ông T, bà Th sử dụng ổn định cho đến bây giờ. Ông Ch xác định căn nhà 15 là của hộ ông T, đất và nhà từ trước tới nay ranh giới ổn định (BL số 324, 325).

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án thì ông L cho biết ngày 25/10/1999 ông có ghi xác nhận bàn giao 02 căn nhà cho ông Thưởng và ông Th; ông Th được giao căn nhà số 15 dãy 19 căn nhưng ông Th không sử dụng nên ông V, Giám đốc Nông trường, thu hồi lại và giao cho bà Kh tháng 12/1999. Sau đó bà Kh chuyển nhượng lại cho ông Th, bà H. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện văn bản thu hồi lại đất và nhà được cấp cho ông Th. Lời trình bày của ông L mâu thuẫn với lời trình bày của bà Kh. Tại phiên tòa sơ thẩm khi Chủ tọa phiên tòa hỏi ông L về việc cung cấp chứng cứ bà Kh có Quyết định cấp đất là căn 14 nhưng theo ông L trình bày bà Kh được cấp căn 15. Khi được hỏi về vấn đề này thì ông L im lặng không trả lời. Ông L vẫn cho rằng bà Kh được cấp căn 15 nhưng chứng cứ do bản thân ông L giao nộp lại thể hiện nông trường cấp cho bà Kh là căn 14. Khi được hỏi về vấn đề này ông L cũng im lặng không trả lời (BL số 333, 381, 382).

[7] Theo biên bản định giá tài sản ngày 13/10/2017 của Tòa án thì xác định trên đất có cây cà phê trong thời kỳ kinh doanh, ranh giới giữa các thửa đất giáp ranh ổn định, có hàng cây chè, cây mít trồng khoảng năm 2000, hàng cây keo lai đã trồng được 12 năm tuổi và một số cây được trồng từ trên 5 năm tuổi đến 10 năm tuổi. Toàn bộ cây trồng trên đất là do vợ chồng ông T, bà Th trồng và canh tác từ năm 1999 đến nay, điều này thể hiện bị đơn quản lý diện tích đất nói trên từ rất lâu và không có ai tranh chấp. Năm 2014 sau khi ông H nhận chuyển

nhượng của ông L theo hồ sơ tại thửa 47, tờ bản đồ số 56 xã L thì mới phát sinh tranh chấp với vợ chồng ông T, bà Th.

Như vậy có cơ sở khẳng định diện tích đất mà vợ chồng ông T, bà Th canh tác sử dụng từ năm 1999 đến nay là căn nhà số 15 dãy 19 căn của Nông trường L nay là thửa số 47, tờ bản đồ số 56 bộ bản đồ địa chính xã L có diện tích thực tế là 1.175m^2. Còn diện tích đất ông H nhận chuyển nhượng của ông L có nguồn gốc do Nông trường L cấp cho bà Kh năm 1999, sau đó bà Kh chuyển nhượng cho vợ chồng ông Th, bà H và vợ chồng ông Th, bà H chuyển nhượng cho ông L và ông L chuyển nhượng cho ông H là vị trí căn nhà số 14 dãy 19 căn của Nông trường L trước đây. Do đó ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà Th trả lại 1.175m^2 đất, thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 56 bộ bản đồ địa chính xã L là không có căn cứ chấp nhận. Hiện nay trên diện tích đất tranh chấp có cọc sắt, thép gai do ông H rào nên cần buộc ông H tháo dỡ để trả lại diện tích đất cho vợ chồng ông T, bà Th.

[8] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông T, bà Th yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE966086 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cấp cho ông Th, bà H diện tích 1.344m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 56 xã L thì thấy rằng: Quá trình vợ chồng ông T, bà Th sử dụng đất ổn định từ năm 1999 đến năm 2012 thì thực hiện kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM594158 ngày 18/12/2012 diện tích 1.128m^2, thửa 45 tờ bản đồ số 56 xã L. Tuy nhiên năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện L có Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà Th với lý do *"ông T, bà Th đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 954158 đối với diện tích 1.128m^2 thửa 45, tờ bản đồ số 56 xã L không phải đất của ông T, bà Th đang sử dụng"*. Thực tế theo kết quả đo vẽ thì xác định diện tích đất ông T, bà Th đang sử dụng thuộc thửa 47 nhưng Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà Th thửa 45, còn thửa 45 thì Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Th, bà H hiện nay đã được đính chính tại trang 03 sang nhượng lại cho ông H. Theo biên bản làm việc ngày 02/6/2014 của Ủy ban nhân dân xã L thì cho rằng diện tích đất vợ chồng ông T, bà Th sử dụng ổn định từ trước đến nay đã cấp nhầm cho vợ chồng ông Th, bà H. Do vậy Ủy ban nhân dân xã L đã lập biên bản với nội dung *"để có cơ sở thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Thạch (CN cho ông H) thửa 46 và 47, TBD 56 ...cho đúng với thực tế sử dụng đất với lý do ông H hiện nay không sử dụng thửa đất này"*. Hơn nữa qua xác minh cán bộ tiếp dân của Ủy ban nhân dân huyện L thì xác định vợ chồng ông T, bà Th đã khiếu nại Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L và được Ủy ban nhân dân huyện L thể hiện ý kiến *"Ủy ban nhân dân huyện thu hồi Giấy*

chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Th, ông T là đúng quy định của pháp luật" và *"ông Th, bà H không sử dụng thửa đất số 47 nhưng được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 47 là không đúng quy định của pháp luật"* nên vợ chồng ông T, bà Th không làm đơn khiếu nại nữa. Như vậy diện tích đất thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 56 xã L là vị trí căn nhà số 15 dãy 19 căn của Nông trường L trước đây giao cho ông Th và ông Th đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà Th sử dụng từ năm 1999 đến nay. Tuy nhiên do quá trình kê khai để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đấ do Ủy ban nhân dân huyện L cấp không đúng vị trí, đối tượng sử dụng thực tế nên Ủy ban nhân dân huyện L mới có quyết định thu hồi và hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là đúng. Còn ông Th, bà H không sử dụng thửa đất số 47 nhưng lại được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại thửa 47 là không đúng đối tượng sử dụng đất, thực tế thửa 47, tờ bản đồ số 56 xã L đối tượng sử dụng đất là vợ chồng ông T, bà Th. Tuy nhiên sau khi được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì ông Th, bà H lại chuyển nhượng cho ông L và ông L chuyển nhượng cho ông H đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định và được đính chính tại trang 03 của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE 966086 đã cấp cho ông Th, bà H ngày 01/6/2011 về việc chuyển nhượng cho ông H. Do đó vợ chồng ông T, bà Th yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE 966086 do Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất huyện Lâm H cấp cho ông Th, bà H diện tích 1.344m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 56 xã L theo một phần Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 của UBND huyện Lâm H đã được đính chính tại trang 03 của giấy chứng nhận về việc chuyển nhượng cho ông H là có căn cứ chấp nhận. Vợ chồng ông T, bà Th và ông H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đúng theo vị trí, hiện trạng đất đang sử dụng để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[9] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[10] Về chi phí tố tụng: Tại giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm chi phí tố tụng cho việc giám định, đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 14.693.800đ, trong đó ông H đã nộp số tiền là 11.893.800đ và đã được quyết toán xong, ông T, bà Th nộp số tiền chi phí tố tụng là 2.800.000đ và đã được quyết toán xong. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên cần buộc ông H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nói trên, tổng cộng là 14.693.800đ. Buộc Ông Nguyễn Viết H phải thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th số tiền chi phí tố tụng là 2.800.000đ.

[11] Về án phí: Ông H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Vụ án được cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 12/01/2016,

tại thời điểm này Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực chưa được thay thể bằng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nói trên để tính án phí Dân sự sơ thẩm là chưa chính xác; cần bổ sung phần này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 30, 73 Luật Đất đai năm 1993;

- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ các Khoản 1, 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Viết H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp Quyền sử dụng đất" của Ông Nguyễn Viết H về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th phải trả lại lô đất có diện tích 1.175m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ 56 tọa lạc tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cùng tài sản trên đất.

Buộc ông H tháo dỡ cọc sắt, thép gai do ông H rào trên diện tích đất thửa 47 tờ bản đồ 56 xã L để trả lại hiện trạng diện tích đất ông T, bà Th đang sử dụng (có họa đồ đo đạc bản đồ địa chính thửa đất kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu "Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" của vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th.

Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 966086 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị H ngày 01/6/2011, đnh chính nội dung trang thứ ba về việc chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Viết H với diện tích 1.344m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ 56, xã L, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th và Ông Nguyễn Viết H được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo đúng vị trí, hiện trạng đất đang sử dụng để được cấp giấy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Ông Nguyễn Viết H phải chịu 14.693.800đ (mười bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn tám trăm đồng) chi phí giám định, đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Buộc Ông Nguyễn Viết H phải thanh toán lại cho vợ chồng ông Nguyễn Cầu T, bà Hoàng Thị Th 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc Ông Nguyễn Viết H phải chịu 15.541.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0007155 ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng. Ông H còn phải nộp 13.041.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Buộc Ông Nguyễn Viết H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000386 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng. Ông H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Châu Thạch